| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **530**/2025/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 447/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Đức H**, sinh năm 1970;

Căn cước công dân số 046070000152, cấp ngày 17/6/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: D Đường B, phường T (trước đây là Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị H1**, sinh năm 1971;

Căn cước công dân số 079171003081, cấp ngày 01/3/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: D Đường B, phường T (trước đây là Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2025.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đức H và bà Đặng Thị H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức H và bà Đặng Thị H1 thuận tình ly hôn (ông Trần Đức H và bà Đặng Thị H1 đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106/1999, quyển số 3/P11 do Ủy ban nhân dân Phường A1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 17/12/1999).

- Về con chung: Hai bên khai có 02 (hai) con chung là gồm Trần Đức B, sinh năm 2000 và Trần Hương A, sinh năm 2004 – cả hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng do ông Trần Đức H tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Trần Đức H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024968 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Đức H được nhận lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với GCNKH số 106/1999, quyển số 3/P11);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Lan Ngọc**